

Số: 12/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Nam, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên họp: Ông Đỗ Văn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: ông Nguyễn Quang Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai để giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 09/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm số: 21/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Đoàn Trọng S**, sinh năm 1995; Quốc tịch: Việt Nam; Hộ chiếu số: Q00303715, do Đ tại Hoa Kỳ cấp ngày 05/9/2023; Địa chỉ cư trú: 7874 **Laramie Ave W, Hoa Kỳ.**

- Bà **Lê Hạnh P**, sinh năm 1993; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 049193001933, do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/4/2022; Hộ khẩu thường trú: **thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; Chỗ ở hiện tại: **D L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

*(Ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Theo đơn yêu cầu và các văn bản có trong hồ sơ, người yêu cầu ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** quen nhau, tìm hiểu nhau, rồi tự nguyện đăng ký kết hôn và được **huyện N, tỉnh Quảng Nam** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 09/10/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà không chung sống hạnh phúc được với nhau. Vào tháng 11 năm 2017, ông **Đoàn Trọng S** về lại Mỹ sinh sống và làm việc, từ đó hai ông bà đã sống ly thân với nhau cho đến hiện nay. Hiện tại, hai ông bà cảm thấy không thể hàn gắn như trước, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P**.

- *Về con chung*: ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P xác nhận không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến*: từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và người yêu cầu giải quyết việc dân sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: căn cứ Điều 55, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 207, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P cùng làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Khi thụ lý việc dân sự, ông Đoàn Trọng S đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên họp, ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình vắng mặt ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 09/10/2017, hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng. Nay ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P thỏa thuận, thống nhất và cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P không còn sống chung, tình cảm vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thỏa thuận ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2.2] *Về con chung*: Ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P xác nhận không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: Ông Đoàn Trọng S và bà Lê Hạnh P mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P**.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông **Đoàn Trọng S** và bà **Lê Hạnh P** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000157 ngày 10/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- CTHADS tỉnh Quảng Nam;
- UBND huyện Núi Thành;
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Liên